

Trường	STT	Họ và tên	vị trí việc làm	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm lần đầu ký hợp đồng 11/2022	Thời điểm điểm ký hợp đồng 11/2022 với trường hiện tại	Lương hiện tại	Thời gian tham gia BHXH tại vị trí việc làm hiện tại, tính đến hết tháng 9/2025	Nhu cầu kinh phí chuyển xếp hệ số lương				
									Bậc lương nếu quy đổi	Tiền lương nếu quy đổi	BXXH,BHYT	Phụ cấp khu vực	Tổng lương
MN Lợi Bắc													
	1	Tô Thị Thu Hòa	NV Nấu ăn	03-06-1985	11-09-2017	01-10-2023	4,50	08 năm 0 tháng	1,54	3,6036	0,775	0,936	5,314
	2	Lường Thị Minh	NV Nấu ăn	29-10-1985	03-05-2017	01-10-2023	4,50	08 năm 04 tháng	1,54	3,6036	0,775	0,936	5,314
	3	Đinh Thị Hoàng	NV Nấu ăn	27-10-1983	01-09-2022	01-10-2023	4,50	03 năm 0 tháng	1,18	2,7612	0,594	0,936	4,291
	4	Nông Thị Hường	NV Nấu ăn	18-10-1972	09-01-2022	01-10-2023	4,50	03 năm 0 tháng	1,18	2,7612	0,594	0,936	4,291
	5	Chu Thị Linh	NV Nấu ăn	17-9-1985	01-10-2023	01-10-2023	4,50	02 năm 0 tháng	1,18	2,7612	0,594	0,936	4,291
	6	Lộc Thị Kim Oanh	NV Nấu ăn	03-03-1990	01-10-2023	01-10-2023	4,50	02 năm 0 tháng	1,18	2,7612	0,594	0,936	4,291
	7	Vi Thị Giang	NV Nấu ăn	08-09-1974	01-10-2023	01-10-2023	4,50	02 năm 0 tháng	1,18	2,7612	0,594	0,936	4,291
	8	Dương Thị Thu	NV Nấu ăn	06-03-1992	06-09-2024	06-09-2024	4,50	01 năm 0 tháng	1,00	2,34	0,503	0,936	3,779
	9	Hoàng Văn Toàn	NV Bảo vệ	09-11-1974	01-10-2023	01-10-2023	4,50	02 năm 0 tháng	1,68	3,9312	0,845	0,936	5,712
	10	Nguyễn Ngọc Tuấn	NV Bảo vệ	19-02-1966	01-10-2023	01-10-2023	4,50	02 năm 0 tháng	1,68	3,9312	0,845	0,936	5,712
	11	Hoàng Thị Phụng	NV Tạp vụ	01-11-1993	15/9/2025	15/9/2025	4,50		1	2,34	0,503	0,936	3,779
MN Sân Viên													
	1	Lộc Thị Hoa	Nấu ăn	13/12/1981	01/9/2015	01/8/2021	4,50	10 năm 01 tháng	1,72	4,0248	0,865	0,936	5,826
	2	Bế Thị Hồi	Nấu ăn	15/09/1991	01/10/2015	01/9/2017	4,50	09 năm 06 tháng	1,54	3,6036	0,775	0,936	5,314
	3	Chu Thị Nhung	Nấu ăn	15/05/1985	01/10/2015	01/10/2015	4,50	10 năm 0 tháng	1,72	4,0248	0,865	0,936	5,826
	4	Chu Thị Ngoan	Nấu ăn	04/07/1995	01/12/2019	01/9/2022	4,50	04 năm 11 tháng	1,36	3,1824	0,684	0,936	4,803
	5	Tăng Thị Biển	Nấu ăn	30/12/1985	01/10/2015	01/09/2023	4,50	10 năm 02 tháng	1,72	4,0248	0,865	0,936	5,826
	6	La Mạnh Dũng	Bảo vệ	13/02/1984	01/10/2023	01/10/2023	4,50	02 năm 0 tháng	1,68	3,9312	0,845	0,936	5,712
	7	Hoàng Văn Trinh	Bảo vệ	20/07/1994	15/9/2025	15/9/2025	4,50	0	1,5	3,51	0,755	0,936	5,201
	8	Hoàng Thị Minh Nguyệt	Tạp vụ	06/09/1994	01/10/2025	01/10/2025	4,50	0	1	2,34	0,503	0,936	3,779
TH Lợi Bắc													
	1	Vi Văn Huy	NV Bảo vệ	01-10-1989	01/06/2011	01/9/2022	4,50	14 năm 04 tháng	2,76	6,4584	1,389	0,936	8,783
	2	Hoàng Văn Hưng	NV Bảo vệ	24-09-1986	01-10-2022	01-10-2022	4,50	3 năm 0 tháng	1,68	3,9312	0,845	0,936	5,712

[illegible]